

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Số sách chứng từ kế toán-208328

Ngày Thi : 21/01/15 Giờ thi: 07g00 - phút

Phòng thi TV102

Nhóm : 01

Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	11123175	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	Ngân	2		2,0	8,0	10,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11123129	TRẦN PHỤNG	NGÂN	Ngân	2		1,6	6,6	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	11329083	HỒ NHƯ	NGỌC	Như	1		1,8	7,5	9,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11123131	PHAN THỊ BÍCH	NGỌC	Bích	1		0,3	4,3	1,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12123037	NGUYỄN VĂN	NGUYỄN	Ngân	2		1,9	7,7	9,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12123154	PHAN TRẦN THẢO	NGUYỄN	Nguyễn	2		1,9	7,9	9,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12363142	PHẠM THỊ HỒNG	NGUYỆT	Phạm	2		1,2	5,2	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11123132	TRẦN THỊ KIM	NHÂN	Thân	1		1,9	7,7	9,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	11363213	PHẠM THỊ HỒNG	NHI	Nhi	2		0,8	3,4	4,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11123136	HỒ NGỌC QUỲNH	NHƯ	Quỳnh	2		2,0	8,0	10,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	11123033	NGUYỄN KIỀU	OANH	Nguyễn	3		1,4	5,6	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11123034	DƯ THỊ MỸ	PHÚC	Dư	2		1,7	7,2	8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	11123177	VÕ THỊ DIỄM	PHÚC	Phúc	1		2,0	8,0	10,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11123038	ĐỖ THỊ THÚY	PHƯƠNG	Đỗ	1		2,0	8,0	10,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	11123039	PHAN THỊ BÍCH	PHƯƠNG	Phượng	1		1,7	7,0	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11123145	ĐỖ PHƯƠNG	THẢO	Đỗ	2		1,9	7,7	9,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11123146	LÊ THỊ PHƯƠNG	THẢO	Phu	1		1,8	7,2	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Số sách chứng từ kế toán-208328

Ngày Thi : 21/01/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV102

Nhóm : 01

Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	11123046	VÕ THỊ THOẠI	DH11KE	<i>Thị Thoại</i>	2		1,6	6,6	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	11123170	NGUYỄN THỊ DIỆU	DH11KE	<i>Thị Diệu</i>	2		1,8	7,2	9,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12363113	LÊ THỊ MỸ	CD12CA	<i>Thị Mỹ</i>	2		1,9	7,7	9,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11123155	NGUYỄN THỊ KIM	DH11KE	<i>Thị Kim</i>	2		2,0	8,0	10,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11123183	QUÁCH MINH	DH11KE	<i>Thị Minh</i>	2		1,7	7,0	8,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11123157	PHẠM ĐOÀN	DH11KE	<i>Thị Đoàn</i>	1		1,9	7,8	9,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12363043	HOÀNG THỊ THU	CD12CA	<i>Thị Thu</i>	1		1,1	4,5	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12123181	NGUYỄN THỊ THANH	DH12KE	<i>Thị Thanh</i>	2		1,9	7,9	9,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12123054	HUỖNH THỊ MỸ	DH12KE	<i>Thị Mỹ</i>	1		1,7	7,2	8,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11123158	BÙI MINH	DH11KE	<i>Thị Minh</i>	2		2,0	8,0	10,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12123188	LÊ THỊ TÌNH	DH12KE	<i>Thị Tình</i>	1		1,8	7,5	9,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12363301	LÊ NGỌC	CD12CA	<i>Thị Ngọc</i>	2		1,8	7,4	9,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11123159	NGUYỄN THỊ MAI	DH11KE	<i>Thị Mai</i>	2		2,0	8,0	10,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11123165	TẠ THỊ NGỌC	DH11KE	<i>Thị Ngọc</i>	2		1,8	7,7	9,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11123082	TRẦN THỊ HÀ	DH11KE	<i>Thị Hà</i>	2		1,9	7,8	9,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11123166	VŨ THỊ THANH	DH11KE	<i>Thị Thanh</i>	2		1,0	4,0	5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12123059	NGUYỄN HOÀI HƯNG	DH12KE	<i>Thị Hưng</i>	1		1,9	7,9	9,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Số sách chứng từ kế toán-208328

Ngày Thi : 21/01/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV102 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
35	12123245	NGUYỄN THỊ TRINH	DH12KE	<i>Trinh</i>	2		2,0	8,0	10,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
36	12363307	NGUYỄN THẢO TRÚC	CD12CA	<i>Truc</i>	2		1,1	4,5	5,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
37	12123197	VÕ THỊ THANH TÙNG	DH12KE	<i>Thanh</i>	1		1,9	7,9	9,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
38	11363143	HUỖNH HỒNG TUYỀN	CD11CA	<i>Tuyen</i>	1		6,6	2,4	3,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
39	11123054	PHẠM THỊ THU TƯỜNG	DH11KE	<i>Thu</i>	2		1,9	7,8	9,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
40	13363364	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG UYÊN	CD13CA	<i>Phuong</i>	1		0,5	2,1	2,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
41	11123167	NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN	DH11KE	<i>Bich</i>	1		1,9	7,7	9,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
42	11123057	TRẦN THANH VÂN	DH11KE	<i>Van</i>	2		1,8	7,4	9,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
43	11123062	VÕ THỊ TRƯỜNG XUÂN	DH11KE	<i>Truong</i>	2		1,9	7,9	9,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
44	12123215	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	DH12KE	<i>Hai</i>	2		1,9	7,9	9,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng: 00 Hiện diện: : AH

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Lê T. Thanh Nữ

Trương Thị Ngọc Lan

Lê Thanh Loan

Lê Văn Hương

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Số sách chứng từ kế toán-208328

Ngày Thi : 21/01/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV101

Nhóm : 01

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	11123002	TRẦN QUỐC ANH	DH11KE	<i>Trần Quốc Anh</i>	2		1,9	7,9	9,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	11123088	UNG THUY NGOC	DH11KE	<i>Ung Thuy Ngoc</i>	1		2,0	8,0	10,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12363011	NGUYỄN THỊ NGỌC	CD12CA	<i>Nguyễn Thị Ngọc</i>	1		0,8	3,2	4,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	11123003	NGUYỄN THIÊN ÂN	DH11KE	<i>Nguyễn Thiên Ân</i>	4,2		1,8	7,7	9,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	11123255	VILAYSON	BOULETH	<i>Vilayson</i>	1		1,2	4,8	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12123074	VÕ THỊ SON	CA	<i>Võ Thị Son</i>	2		1,1	4,5	5,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12123100	NGUYỄN HUỲNH NGỌC	CẨM	<i>Nguyễn Huỳnh Ngọc</i>	1		1,9	7,8	9,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	11123091	NGUYỄN THỊ KIM	CHUNG	<i>Nguyễn Thị Kim</i>	2		2,0	8,0	10,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12123084	NGUYỄN THỊ KIM	CÚC	<i>Nguyễn Thị Kim</i>	2		2,0	8,0	10,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11123172	HUỲNH THỊ DIỄM	DH11KE	<i>Huỳnh Thị Diễm</i>	1		0,5	2,1	2,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12363259	TRƯƠNG THỊ LỆ	CD12CA	<i>Trương Thị Lệ</i>	1		0,1	0,1	0,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	11123169	NGUYỄN HẠNH DUNG	DH11KE	<i>Nguyễn Hạnh Dung</i>	2		1,8	7,4	9,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12363166	NGUYỄN THỊ DUNG	CD12CA	<i>Nguyễn Thị Dung</i>	2		1,8	7,2	9,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12363033	VÕ THỊ KIM DUNG	CD12CA	<i>Võ Thị Kim Dung</i>	2		1,8	7,7	9,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12363155	HOÀNG THỊ MỸ DUYÊN	CD12CA	<i>Hoàng Thị Mỹ Duyên</i>	1		1,4	5,6	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	11123005	PHẠM NGUYỄN MỸ DUYÊN	DH11KE	<i>Phạm Nguyễn Mỹ Duyên</i>	2		2,0	8,0	10,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	11123006	NGUYỄN BÌNH DƯƠNG	DH11KE	<i>Nguyễn Bình Dương</i>	1		1,9	7,7	9,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Số sách chứng từ kế toán-208328

Ngày Thi : 21/01/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV101

Nhóm : 01

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	12363335	VŨ THỊ THÙY	DƯƠNG	CD12CA	2	1,8	7,6	9,4		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	11123007	NGUYỄN THỊ NGỌC	ĐẸP	DH11KE	2	2,0	8,0	10,0		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12363006	HUỖNH PHÚC	ĐÔNG	CD12CA	1	2,0	8,0	10,0		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11123008	LÊ THỊ ĐÔNG	HÀN	DH11KE	2	1,6	6,8	8,4		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11123100	TẠ NGỌC	HẠNH	DH11KE	1	1,9	7,9	9,8		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	11123101	BÙI THỊ	HẰNG	DH11KE	2	1,9	7,9	9,8		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11123102	PHẠM THỊ	HẰNG	DH11KE	1	1,8	7,7	9,5		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11123103	TRẦN DIỆU	HẰNG	DH11KE	1	1,9	7,8	9,7		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	11123173	PHAN THỊ THU	HÂN	DH11KE	2	1,6	6,6	8,2		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12123120	NGUYỄN PHÚC	HẬU	DH12KE	2	2,0	8,0	10,0		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12363206	NGUYỄN THỊ MỸ	HẬU	CD12CA	1	1,8	7,2	9,0		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12123121	TRƯƠNG THỊ	HẬU	DH12KE	2	2,0	8,0	10,0		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11123112	ĐÌNH THỊ NGỌC	HUỆ	DH11KE	2	0,9	3,6	4,5		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11123015	PHAN THỊ THANH	HUYỀN	DH11KE	1	1,3	5,5	6,8		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11123114	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	DH11KE	2	1,8	7,2	9,0		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	12363082	ĐẶNG THỊ THANH	LAM	CD12CA	1	1,8	7,7	9,5		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12123235	NGUYỄN THỊ NGỌC	LINH	DH12KE	1	1,8	7,4	9,2		(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Số sách chứng từ kế toán-208328

Ngày Thi : 21/01/15 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi TV101

Nhóm : 01

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
35	12363016	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	Thùy	1		1,9	7,9	9,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
36	11123021	TÔ KHÁNH	LINH	Khánh	1		1,9	7,9	9,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
37	12363178	ĐẶNG THỊ NGỌC	LOAN	Ngọc	2		1,5	6,3	7,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
38	11123124	NGUYỄN THỊ	LƯƠNG	Lương	1		1,9	7,9	9,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
39	11123074	NGUYỄN THỊ NGỌC	LƯU	Ngọc	1		0,4	2,1	2,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
40	12363318	NGUYỄN NỮ KHÁNH	LY	Khánh	1		2,0	8,0	10,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
41	12363235	VÕ THỊ	LY	Võ	2		1,8	7,2	9,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
42	11123174	PHẠM THỊ TUYẾT	MAI	Tuyết	1		2,0	8,0	10,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
43	11363087	PHAN THỊ THANH	MAI	Thanh	2		0,5	2,3	2,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
44	12123145	HUỖNH THỊ ÁNH	MINH	Ánh	2		1,8	7,2	9,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
45	12363068	TRẦN THỊ THÚY	MY	Thùy	1		1,8	7,2	9,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 45

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Trần Đình Mạnh

Phạm Ngọc Sáng

Lê Thanh Loan

Lê Văn Tấn